TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **---------- ---------**

Bản án số: **32**/2024/HSST
Ngày: 06/05/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Nguyễn Văn Chương***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Phạm Văn Phong***

2. Bà Nguyễn Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: ***Bà Phạm Thu Uyên*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện P - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tiến Long - KSV

Ngày 06/05/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/HSST ngày 12/04/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST - HS ngày 25/04/2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1995. Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: thôn X, xã D, huyện P, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn O, con bà Nguyễn Thị Q; Tiền án: 02 Tiền án: Ngày 30/8/2018, Toà án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án (Bản án số 37/2018/HS – ST, chưa được xóa án tích). Ngày 17/6/2020, Toà án nhân dân huyện P xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt của bản án số 37/2018/HS - ST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 27 tháng tù (Bản án số 21/2020/HS - ST) ra trại ngày 12/06/2022 (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/12/2023, Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 18 tháng tù về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (Bản án số 69/2023/HSST, chưa thi hành án); Danh, chỉ bản số 02 lập ngày 10/01/2024 tại Công an huyện P, thành phố Hà Nội. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2023 tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1967. HKTT và cư trú: Thôn X, xã D, huyện P, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

<u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:</u> Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1959; HKTT và cư trú: Thôn T, xã H, huyện Y, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T (sinh năm 1995; HKTT: thôn X, xã D, huyện P, thành phố Hà Nội) biết nhà ông Nguyễn Văn G (sinh năm 1967 ở cùng thôn) đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 17/10/2023, T trèo tường lên mái nhà T rồi trèo lên tầng 2 nhà ông G rồi dùng tay cạy cửa, đi vào phòng thờ ở tầng 2 nhưng không thấy có tài sản gì có giá trị nên tiếp tục đi sang phòng ngủ ở tầng 2. Tại đây, T phát hiện thấy 01 chiếc tivi nhãn hiệu TOSHIBA 32 inch để trên bàn đã rút dây điện và bê chiếc tivi này ra ngoài để ở hiên tầng 2. Sau đó, T quay lại đi xuống phòng khách ở tầng 1, thấy có 01 chiếc tivi nhãn hiệu SAMSUNG 50 inch, 02 chiếc loa nhãn hiệu BOSE và 01 chiếc âm ly nhãn hiệu ARIRANG nên đã rút dây điện rồi tiếp tục bê các tài sản này lên để ở hiên tầng 2. Sau đó, T đã bê lần lượt các tài sản đã trộm cắp được đưa qua lan can tầng 2, đặt lên mái tôn nhà để xe của nhà ông G rồi di chuyển trên các mái tôn, mái ngói bờ lô xi măng để vào bên trong gác xép nhà T cất giấu.

Đến khoảng cuối tháng 10/2023, T đã mang 02 chiếc loa và 01 chiếc âm ly trên đi bán cho ông Nguyễn Tiến B, (sinh năm 1959) là chủ cửa hàng điện tử M có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện Y, TP Hà Nội được 900.000 đồng. Còn lại 02 chiếc tivi, T vẫn cất giấu ở nhà. Ngày 21/12/2023, ông G đến cửa hàng điện tử nhà ông B mua đồ thì phát hiện thấy 02 chiếc loa và chiếc âm ly của nhà mình bị trộm cắp nên đã trình báo Công an xã D. Qua làm việc với cơ quan Công an, ông B đã tự nguyện giao nộp tài sản gồm: 02 (hai) loa màu đen kích thước (40x30x26)cm, nhãn hiệu BOSE; 01(một) âm ly màu trắng kích thước (42x32x13)cm, nhãn hiệu ARIRANG.

Đến ngày 28/12/2023, Nguyễn Văn T đã đến Công an D tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và giao nộp tài sản đã trộm cắp gồm: 01 tivi nhãn hiệu TOSHIBA, màu đen, màn hình 32 inch, Model: 32P1400VN; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, màn hình 50 inch, phiên bản DA01, kiểu sản phẩm UK50KU6000.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66 ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 tivi nhãn hiệu TOSHIBA, màu đen, màn hình 32 inch, Model: 32P1400VN, mua và sử dụng từ năm 2014 trị giá: 1.300.000 đồng; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, màn hình 50 inch, phiên bản DA01, kiểu sản phẩm UK50KU6000, mua và sử dụng từ năm 2017 trị giá: 3.000.000 đồng; 02 loa màu đen kích thước (40x30x26)cm, nhãn hiệu BOSE, mua và sử dụng từ năm 2008 trị giá: 700.000 đồng; 01 âm ly màu trắng kích thước (42x32x13)cm, nhãn hiệu ARIRANG, mua và sử dụng từ năm 2008 trị giá: 500.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản do T trộm cắp nhà ông G là: 5.500.000 đồng.

Trong đơn trình báo, ông G trình bày còn bị trộm cắp 01 chiếc đồng hồ đeo tay. Tuy nhiên, ông G xác định do khi trình báo chưa tìm kỹ nên chưa thấy, sau này ông G đã tìm thấy chiếc đồng hồ trên ở nhà không phải bị mất trộm.

Quá trình điều tra đã xác định các tài sản đã thu giữ gồm: 01 tivi nhãn hiệu TOSHIBA, màu đen, màn hình 32 inch; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, màn hình 50 inch; 02 loa màu đen kích thước (40x30x26)cm, nhãn hiệu BOSE; 01 âm ly màu trắng kích thước (42x32x13)cm, nhãn hiệu ARIRANG là tài sản của ông Nguyễn Văn G. Ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P đã trả lại cho ông G các tài sản trên là có căn cứ. Ông G đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung như đã nêu trên.

Đối với số tiền 900.000 đồng, do bán tài sản trộm cắp mà có, T đã tiêu sài cho cá nhân hết.

Về dân sự, ông G và ông B không có yêu cầu gì về dân sự đối với Nguyễn Văn T.

Bản cáo trạng số 22/CT - VKSTT ngày 10/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội truy tố đối với bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn.

- Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm g khoản 2 Điều 173; Các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 26 đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại bản án số 69/2023/HSST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 42 (bốn mươi hai) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù.

Do bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 900.000 đồng vì đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy

tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội:

Xét Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; Phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như Kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 17/10/2023, Nguyễn Văn T (sinh năm 1995; HKTT: thôn X, xã D, huyện P, thành phố Hà Nội) trèo tường lên tầng 2 để vào nhà ông Nguyễn Văn G ở cùng thôn trộm cắp tài sản gồm: 01 tivi nhãn hiệu TOSHIBA, màu đen, màn hình 32 inch; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, màn hình 50 inch; 02 loa màu đen kích thước (40x30x26)cm, nhãn hiệu BOSE; 01(một) âm ly màu trắng kích thước (42x32x13)cm, nhãn hiệu ARIRANG. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 5.500.000 đồng. Đến khoảng cuối tháng 10/2023, T đã mang 02 chiếc loa và 01 chiếc âm ly trên đi bán cho ông Nguyễn Tiến B (sinh năm 1959) là chủ cửa hàng điện tử M có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện Y, thành phố Hà Nội được 900.000 đồng. Còn lại 02 chiếc tivi, T vẫn cất giấu ở nhà.

Hành vi của Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản giá trị 5.500.000 đồng được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm đã phạm vào điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã được viện dẫn tại bản cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do hám lợi nên đã cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng đã áp dụng làm tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi bị phát hiện, bị cáo đã đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, 01 lần bị xử phạt tù về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ thể hiện bị cáo có nhân thân rất xấu, liên tục phạm tội nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: Người bị hại là ông Nguyễn Văn G đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản bị T trộm cắp và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tiến B không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 900.000 đồng bị cáo có được do bán 02 chiếc loa và 01 chiếc âm ly cho ông Nguyễn Tiến B là tiền bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã tiêu sài hết nên buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".*

Xét bị cáo làm nghề tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về những vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với Hoàng Như Y sinh năm 1999, chung sống như vợ chồng cùng T, Y không biết, không tham gia trộm cắp tài sản cùng với T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P không xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bản án số 69/2023/HSST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo18 tháng tù về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đến nay đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa thi hành án nên cần tổng hợp hình phạt cùng bản án này để buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 bản án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng Điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **24 (hai mươi tư) tháng** tù về tội trộm cắp tài sản.

Tổng hợp hình phạt **18 (mười tám) tháng tù** tại bản án số 69/2023/HSST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **42 (bốn mươi hai) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2023.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 900.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. P, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện P, TP Hà Nội;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.P, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. P, TP Hà Nội;*
- *Trại tạm giam số 2 - Công an TP Hà Nội;*
- *Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA